

Bản án số: 57/2024/LĐ-PT
Ngày: 7/5/2024
V/v Tranh chấp về trường hợp bị đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuận Hòa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 7 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLPT-LĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 2156/2023/LĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1906/2024/QĐPT-LĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thái Yên T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số D, đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Lữ Ngọc K**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoặc bà **Nguyễn Y B**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 05/10/2022)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH M. Trụ sở: Phòng Y, Tầng Y khu văn phòng, tòa nhà P, Số E, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Siman Tov T1** – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Phương T2**, sinh năm 1988. Địa chỉ liên lạc: Phòng Y, Tầng Y khu văn phòng, tòa nhà P, Số E, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/02/2022)

- Người kháng cáo: Công ty TNHH M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thái Yến T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Bà và Công ty TNHH M có thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019, chức danh trưởng phòng nhân sự. Vào tháng 11/2019, người đại diện theo pháp luật là ông Siman Tov T1 thông báo trực tiếp với bà là Công ty đã tuyển người mới thay thế vị trí của bà đang đảm nhiệm, đồng thời ông S trao đổi về việc bà chuyển sang làm trợ lý cho người mới và cam kết không thay đổi các chế độ mà bà đang hưởng.

Ngày 14/12/2019, Công ty chuyển toàn bộ văn phòng từ Quận A sang quận B thì bà bị chỉ định phải ở lại văn phòng cũ (Quận A) một mình. Tại đây các thiết bị, công cụ làm việc văn phòng đã tháo dỡ chỉ còn lại máy tính, tuy vậy bà vẫn phải thực hiện việc báo cáo công việc và điểm danh mỗi ngày. Ngày 03/02/2020, ông S nhắn tin và yêu cầu gặp để trao đổi, ông S muốn bà nộp đơn xin nghỉ việc nhưng bà không đồng ý.

Ông S có lời lẽ xúc phạm, bà đưa ra yêu cầu chỉ xin nghỉ việc với điều kiện Công ty phải bồi thường 03 tháng tiền lương. Ngay lúc đó, ông S sa thải bà và đuổi khỏi công ty, buộc bà dọn đồ đạc và trả lại chìa khóa mà không thực hiện bất cứ thủ tục nào liên quan đến sa thải.

Cho đến nay công ty không có bất cứ liên lạc và giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, bà cho rằng Công ty không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, bà cũng không thực hiện được các thủ tục để nhận tiền trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm làm ảnh hưởng đến cuộc sống.

Bà xác định ngày làm việc cuối cùng tại công ty TNHH M là ngày 03/02/2020, cùng ngày bà đã ký biên bản bàn giao toàn bộ các thiết bị văn phòng mà bà phụ trách; Nhận sổ bảo hiểm xã hội từ nhân viên công ty vào cuối tháng 4 năm 2020.

Bà nhận thấy hành vi của Công ty TNHH M là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nên yêu cầu phải bồi thường cho bà các khoản như sau:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc: 20.000.000 đồng x 11 tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021) = 220.000.000 đồng.

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động: 20.000.000 đồng x 02 tháng = 40.000.000 đồng.

3. Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động: 16.000.000 đồng x 45 ngày = 24.000.000 đồng.

4. Bồi thường 7 tháng tiền trợ cấp thất nghiệp:

$((13.000.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} + 16.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng}) / 6 \times 60\%) \times 7 \text{ tháng} = 65.100.000 \text{ đồng}.$

5. Công ty TNHH M phải đóng bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc theo quy định từ 03/02/2020: $16.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021)} \text{ tháng} \times 21.5\% = 37.840.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 386.940.000 đồng, đồng thời nguyên đơn không muốn trở lại làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động đã giao kết.

Bị đơn có đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Phương T2 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Công ty TNHH M và bà Nguyễn Thái Yên T có thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số: R133/2019-HĐLĐ ngày 30/8/2019 không xác định thời hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kết quả làm việc của bà T không đáp ứng yêu cầu vị trí trưởng phòng nhân sự. Do đó, Công ty đã tuyển dụng 01 trưởng phòng nhân sự mới và đề xuất bà T giữ chức trợ lý trưởng phòng nhân sự. Các chế độ liên quan, lợi ích vẫn giữ nguyên theo hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà T không đồng ý và qua trao đổi bà T muốn nghỉ việc.

Vào ngày 06/01/2020, bà T nhắn tin cho quản lý trực tiếp và ông S về việc yêu cầu ký đơn xin nghỉ phép và nghỉ việc trước tháng 2/2020.

Ngày 14/12/2019, Công ty di dời văn phòng từ Quận A sang quận B. Do hợp đồng thuê văn phòng cũ (Quận A) có thời hạn đến 16/4/2020 nên cần nhân sự ở lại quản lý văn phòng cũ. Bà T đang trong thời gian bàn giao công việc để nghỉ việc, không phát sinh nghiệp vụ chuyên môn nên Công ty bố trí bà T túc trực tại văn phòng cũ. Đây là sự phân công do tính chất công việc, không tạo sự cô lập như đánh giá của bà T.

Ngày 03/02/2020, bà T tới văn phòng công ty khẳng định công ty đã sa thải bà, bà yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương. Công ty không đồng thuận vì công ty không có ý chí hay hành vi sa thải bà T.

Kể từ ngày 03/02/2020 bà T không tới công ty làm việc, không thông báo xin nghỉ phép hoặc nghỉ ốm, không viết đơn xin nghỉ việc. Tuy nhiên, qua các thư điện tử và tin nhắn, bà T đều xác nhận là nhân sự cũ và xác nhận ngày làm việc cuối cùng tại công ty là 03/02/2020.

Công ty thông cảm và tôn trọng quyết định của bà T nên không xử lý kỷ luật đối với hành vi tự ý bỏ việc của bà T. Công ty chúng tôi không phát hành bất cứ văn bản nào về việc sa thải, không có hồ sơ kỷ luật sa thải đối với bà T.

Đối với văn bản số: 787/2023/QĐ-CCTLCC ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân quận B, Công ty xác định quan hệ lao động giữa Công ty và bà T chấm dứt từ ngày 03/02/2020, tuy nhiên công ty không còn lưu giữ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cũng như các tài liệu liên quan nên không rõ căn cứ chấm dứt quan hệ lao động.

Về quyền lợi của bà T, tổng thời gian làm việc của bà tại Công ty là 07 tháng 03 ngày, Công ty đã chi trả như sau:

- + Thanh toán toàn bộ tiền lương cho bà T đến ngày 03/02/2020;
- + Công ty đã hoàn tất thủ tục xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đến hết tháng 02/2020 và gửi trả sổ qua đường bưu điện.
- + Quyết định thanh lý hợp đồng đã gửi lên cơ quan bảo hiểm để tiến hành các thủ tục liên quan đến quy định pháp luật lao động.

Công ty không lưu trữ đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn và cũng không nhận được đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn.

Công ty xác nhận trình bày của nguyên đơn về lương và tỷ lệ trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là đúng.

Nhận thấy Công ty TNHH M không có bất cứ văn bản chính thức và hành vi nào thể hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hay hành vi xúc phạm, gây tổn thất tinh thần đối với bà T. Do đó, Công ty chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thái Yên T vì không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn tham gia phiên tòa và yêu cầu được tự trình bày, tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình mà không yêu cầu người đại diện theo ủy quyền trình bày thay; Người đại diện theo ủy quyền có mặt và đồng ý.

Nguyên đơn vẫn giữ lời trình bày như trên và đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc: 20.000.000 đồng x 11 tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021) = 220.000.000 đồng.
2. Bồi thường 02 tháng tiền lương: 20.000.000 đồng x 02 tháng = 40.000.000 đồng.
3. Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước: 16.000.000 đồng x 45 ngày = 24.000.000 đồng.

Tổng cộng: 284.000.000 đồng.

Đồng thời bà T xác định không có quyết định thanh lý hợp đồng lao động, không nhận được bất kỳ thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động từ Công ty M cho đến thời điểm hiện nay; Bà không muốn quay trở lại làm việc, yêu cầu Công ty bồi thường 284.000.000 đồng ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn có đại diện hợp pháp là bà Trần Thị Phương T2 vẫn giữ lời trình bày nêu trên; Đồng thời khẳng định Công ty không có hành vi hay ý chí sa thải bà T, không có quyết định thanh lý hợp đồng lao động, không thông báo chấm dứt và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Vào ngày 03/02/2020, giữa nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn về ngôn ngữ mà

không quyết định sa thải bà T. Từ sau ngày 03/02/2020 bà T không đến Công ty làm việc 14 ngày, Công ty không tiến hành xử lý kỷ luật và căn cứ vào việc bà T tự ý nghỉ việc nên thực hiện báo giảm lao động tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội, tuy nhiên Công ty không lưu trữ và giao Quyết định chấm dứt hợp đồng cho bà T. Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T vì không có căn cứ, Công ty đã thực hiện theo quy định pháp luật.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 2156/2023/LĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thái Yến T.

Buộc bị đơn Công ty TNHH M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thái Yến T những khoản tiền sau:

- Thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc: 20.000.000 đồng x 11 tháng (từ 03/02/2020 đến 03/01/2021) = 220.000.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 20.000.000 đồng x 02 tháng = 40.000.000 đồng.

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước: 16.000.000 đồng x 45 ngày = 24.000.000 đồng.

Tổng cộng: 284.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu đồng)

Trả làm một lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí DDST đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch là: 8.520.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/11/2023, bị đơn Công ty TNHH M có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B đã tuyên xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

1/ Bà Nguyễn Thái Yến T và Công ty TNHH M chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 03/02/2021.

2/ Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thái Yến T số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng vào ngày 14/5/2024. Thanh toán

một lần, phương thức thanh toán thông qua tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng do các bên tự thỏa thuận với nhau.

3/ Án phí lao động sơ thẩm: bị đơn chịu toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự trong vụ án đã tự thương lượng, hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ việc có tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sửa quyết định của bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự và trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH M làm trong thời hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trong vụ án đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, được Hội đồng xét xử chấp thuận.

II/ Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trong vụ án đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như đã trình bày phần trên. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

III/ Về án phí lao động phúc thẩm: hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho bị đơn Công ty TNHH M do sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Sửa bản án lao động sơ thẩm số 2156/2023/LĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận B theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1/ Bà Nguyễn Thái Yến T và Công ty TNHH M chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 03/02/2021.

2/ Công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thái Yến T số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng vào ngày 14/5/2024. Thanh toán một lần, phương thức thanh toán thông qua tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng do các bên tự thỏa thuận với nhau.

3/ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu số tiền là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/ Án phí lao động phúc thẩm: Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng cho bị đơn Công ty TNHH M theo Biên lai thu số AA/2023/0028805 ngày 7/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hoa